

Số: *09* /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày *03* tháng *3* năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-
TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ
trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020**

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của
Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
giai đoạn 2015-2020;*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi;

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư
Hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh, con giống (lợn, trâu, bò đực giống và gà, vịt, ngan giống bố mẹ hậu bị) và định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò; hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý môi trường; chỉ định các đơn vị có đủ năng lực đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm; người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (bao gồm trâu, bò, lợn); Tổ chức được chỉ định đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh

1. Tinh lợn

a) Thể tích một liệu tinh: Không nhỏ hơn 30ml để phối cho nái nội; không nhỏ hơn 50ml để phối cho nái lai và không nhỏ hơn 80ml để phối cho nái ngoại.

b) Số lượng tinh trùng trong một liệu tinh: Phối cho nái nội không dưới 1,0 tỷ; phối cho nái lai không dưới 1,5 tỷ và phối cho nái ngoại không dưới 2,0 tỷ.

c) Hoạt lực tinh trùng: Không nhỏ hơn 70%.

d) Có đầy đủ thông tin về giống lợn, số hiệu lợn đực, ngày sản xuất, hạn sử dụng, tên đơn vị sản xuất; thể tích liệu tinh; số lượng tinh trùng và hoạt lực tinh trùng của liệu tinh.

2. Tinh trâu, bò

Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tinh đông lạnh theo Tiêu chuẩn Quốc gia: Tinh bò sữa, bò thịt - Đánh giá chất lượng TCVN 8925:2012.

Trường hợp sử dụng tinh phân ly giới tính, các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo theo công bố của nhà sản xuất.

Điều 4. Tiêu chuẩn chất lượng con giống

1. Lợn đực giống

a) Được sản xuất từ cơ sở giống lợn đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

b) Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu của cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà.

2. Trâu, bò đực giống

a) Được sản xuất từ cơ sở giống trâu, bò đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện đánh giá chất lượng và tuyển chọn đảm bảo yêu cầu của địa phương.

b) Có đầy đủ thông tin về tên giống, ngày tháng năm sinh và số hiệu cá thể; tên giống và số hiệu bố, mẹ; tên giống và số hiệu ông, bà;

Trường hợp tuyển chọn trong sản xuất phải có đầy đủ thông tin về tên giống, tháng tuổi và số hiệu cá thể (sau khi tuyển chọn).

3. Gà, vịt và ngan giống bố mẹ hậu bị (trên 8 tuần tuổi)

a) Được sản xuất từ cơ sở giống gia cầm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 19 Pháp lệnh Giống vật nuôi; chất lượng đạt Tiêu chuẩn cơ sở công bố theo quy định hiện hành;

b) Có đầy đủ thông tin về tên dòng, giống ông bà tạo ra đàn bố mẹ này.

Điều 5. Định mức vật tư phối giống nhân tạo trâu, bò

1. Ni tơ lỏng

a) Dùng để bảo quản tinh ở các điểm trung chuyển, định mức cụ thể tùy thuộc vào điều kiện của từng địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

b) Dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa đến 2,0 lít/01 con bò cái hướng sữa có chữa; đến 1,5 lít/01 bò cái hướng thịt có chữa và đến 3,0 lít/01 trâu cái có chữa.

Đối với các địa phương công tác phối giống nhân tạo cho trâu, bò còn khó khăn, căn cứ tình hình thực tế địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt định mức cho phù hợp.

2. Các vật tư khác (găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh, súng bắn tinh): Phù hợp theo số liệu tỉnh sử dụng.

Điều 6. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn và xử lý chất thải chăn nuôi

1. Kỹ thuật chăn nuôi an toàn

Hộ chăn nuôi thực hiện các yêu cầu về kỹ thuật chăn nuôi an toàn. Cụ thể:

a) Chuồng trại: có tường hoặc hàng rào đảm bảo ngăn không cho gia súc, gia cầm tự do ra khỏi chuồng nuôi hoặc vào nơi ở, sinh hoạt của người; có máng ăn, máng uống bằng vật liệu an toàn, dễ vệ sinh; có nơi thu gom, xử lý chất thải; ngoài ra, có các thiết bị chăn nuôi phù hợp đối tượng vật nuôi và mục đích chăn nuôi.

b) Con giống: có nguồn gốc rõ ràng; đảm bảo khỏe mạnh.

c) Chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh thú y:

Thức ăn, nước uống trong chăn nuôi đảm bảo sạch và an toàn; không sử dụng thức ăn hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh trong Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Chuồng nuôi đảm bảo thông thoáng; máng ăn, máng uống và các thiết bị chăn nuôi được vệ sinh thường xuyên đảm bảo sạch sẽ.

Kết thúc mỗi đợt nuôi, thu gom toàn bộ chất thải, quét dọn, vệ sinh, làm sạch, tiêu độc toàn bộ dụng cụ, thiết bị chuồng nuôi và môi trường xung quanh; để trống chuồng tối thiểu 14 ngày đối với gia cầm và tối thiểu 7 ngày đối với lợn trước khi nuôi đàn mới.

Có biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và chất dộn chuồng đã qua sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường.

Tuân thủ tiêm phòng định kỳ và đột xuất cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định của pháp luật về thú y.

d) Ghi chép sổ sách

Ghi chép hàng ngày về tiêu thụ thức ăn; thuốc thú y, vắc xin sử dụng; tình trạng sức khỏe đàn gia súc, gia cầm.

Cập nhật theo dõi nguồn gốc con giống; ngày bắt đầu nuôi; ngày kết thúc; xuất bán sản phẩm.

2. Kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi

a) Xử lý chất thải bằng công trình khí sinh học Biogas

Xây dựng công trình khí sinh học (Biogas) xử lý chất thải chăn nuôi theo các mẫu công trình khí sinh học được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở khác theo quy định của pháp luật.

b) Xử lý chất thải bằng đệm lót sinh học

Sử dụng sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi trong Danh mục sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

Điều 7. Chỉ định đơn vị đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc

1. Chỉ định

Cục Chăn nuôi là cơ quan đánh giá, lựa chọn và chỉ định các đơn vị đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

2. Yêu cầu

Các đơn vị được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có chức năng hoạt động hoặc được phép đào tạo, tập huấn (hoặc huấn luyện) trong lĩnh vực chăn nuôi;

b) Có chương trình và tài liệu đào tạo, tập huấn phù hợp:

Thời gian đào tạo, tập huấn tối thiểu là 21 ngày, trong đó thời gian học lý thuyết tối thiểu là 7 ngày và thời gian thực hành tối thiểu 14 ngày;

Tài liệu về lý thuyết gồm các nội dung: Giống và công tác giống gia súc trong chăn nuôi; Đặc điểm sinh lý sinh sản của gia súc; Giải phẫu cơ quan sinh sản gia súc; Phát hiện động dục và thời điểm phối giống thích hợp; Lý thuyết về phối giống nhân tạo gia súc và một số vấn đề cần chú ý trong phối giống nhân tạo gia súc; Phương pháp phát hiện phối giống có chửa; Phương pháp ghi chép quản lý phối giống nhân tạo gia súc; ngoài ra, nếu có thời gian có thể bổ sung các nội dung về quy trình chăn nuôi và các nội dung khác nhằm nâng cao năng suất sinh sản cho gia súc;

Thực hành gồm các nội dung: Kỹ năng sử dụng thiết bị, vật tư phối giống nhân tạo cho gia súc; Kỹ năng thực hành phối giống nhân tạo cho gia súc; ngoài ra, nếu có thời gian có thể bổ sung các nội dung phát hiện gia súc có chửa, khám thai và các nội dung khác có liên quan trong thực tế sinh sản gia súc tại các địa phương.

3. Trình tự chỉ định

Đơn vị có nhu cầu đăng ký để được chỉ định là đơn vị đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc nòng 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Cục Chăn nuôi.

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) có chữ ký, tên của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu;

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) chức năng hoạt động hoặc được phép đào tạo, tập huấn (hoặc huấn luyện) trong lĩnh vực chăn nuôi;

- Chương trình và tài liệu đào tạo, tập huấn.

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cục Chăn nuôi tổ chức thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở.

c) Trong thời gian không quá 5 ngày làm việc sau khi có kết quả đánh giá đủ điều kiện, Cục Chăn nuôi ban hành quyết định chỉ định và thông báo cho các địa phương để chủ động lựa chọn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

1. Cục Chăn nuôi có trách nhiệm

a) Kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này tại các địa phương.

b) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai Thông tư này tại các địa phương, chủ động tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các biện pháp tháo gỡ khó khăn (nếu có).

c) Đánh giá, lựa chọn và chỉ định các đơn vị đủ điều kiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật thực hiện chính sách của địa phương đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện xác nhận các hộ mua con giống và áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách; triển khai các nội dung Thông tư này.

c) Phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông và các đoàn thể tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương.

d) Kiểm tra việc thực hiện Thông tư này tại địa phương; tổng hợp, định kỳ báo cáo gửi về Cục Chăn nuôi vào tháng 11 hàng năm.

Điều 9. Áp dụng văn bản

Trong trường hợp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang thực hiện các chính sách do địa phương ban hành có quy định các tiêu chuẩn kỹ thuật khác với Thông tư này, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh cho phù hợp, nhưng các định mức hỗ trợ không thấp hơn quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2015.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh và vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời điều chỉnh và bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, Cq ngang Bộ, Cq thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN & PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Website Bộ NN&PTNT; Công báo;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 347/ SY-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PVP NN, K10;
- Lưu: VT (14).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi

PHỤ LỤC

Mẫu đơn tham gia đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo cho trâu, bò
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN VỀ KỸ THUẬT
PHỐI GIỐNG NHÂN TẠO GIA SÚC**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi

Tên cơ sở:

Giấy chứng nhận chức năng hoạt động (hoặc giấy phép):.....

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09 /2015/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, đơn vị có chức năng và năng lực thực hiện đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc gửi hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) chức năng hoạt động hoặc được phép đào tạo, tập huấn (hoặc huấn luyện) trong lĩnh vực chăn nuôi;

- Chương trình và tài liệu đào tạo, tập huấn.

Kính đề nghị Cục Chăn nuôi xem xét, chỉ định là đơn vị đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc.

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư số 09 /2015/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

....., ngày, tháng, năm

GIÁM ĐỐC

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)